

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2023/HSST
Ngày: 12-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Anh Tuấn

Bà Phạm Thị Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

N

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T; sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 1010 đường Tr, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1966 và bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1968; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 08-02-2023 chuyển tạm giam ngày 17-02-2023 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Lý Trà Gi, sinh năm 2003; nơi cư trú: Số nhà 03/19 đường Ng, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ tình cảm với nhau nên khoảng từ tháng 6-2018 đến tháng 8-2018, chị Lý Trà Gi, sinh ngày 10-3-2003, trú tại 3/19 đường Ng, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định đã tự nguyện quan hệ tình dục 08 lần với Trần Văn T tại địa bàn thành phố N, tỉnh Nam Định cụ thể như sau:

Tháng 6-2018, chị Gi và T mượn nhà trọ của bạn T là anh Trần Thế A, sinh năm 1995 ở số 6/24 đường L1, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định nhưng không nói rõ mượn để làm gì rồi quan hệ tình dục với nhau 04 lần tại phòng ngủ tầng 1.

Tháng 8-2018, chị Gi và T quan hệ tình dục với nhau 01 lần tại gác xép tầng 1 nhà chị Gi ở số 3/19 đường Ng, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định và đến phòng trọ số 3 khu nhà trọ ở 13/88 đường Phạm Ngọc Th, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định do bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1981 (là mẹ của chị Gi) thuê rồi quan hệ tình dục 03 lần tại đây.

Đầu tháng 9-2018 chị Gi phát hiện mình đã có thai và thông báo với T nhưng T đã chuyển vào sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên không gặp chị Gi mà bảo chị Gi thông báo sự việc cho gia đình T biết. Chị Gi đã thông báo cho bố, mẹ đẻ của T biết việc này.

Ngày 17-5-2019 chị Gi sinh con gái tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định đặt tên là Lý Trần Minh Ch. Sau khi chị Gi sinh con, bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1968, trú tại số 1010 đường Tr, phường M, thành phố N (mẹ đẻ của T) thường xuyên đến thăm và chu cấp tiền nuôi cháu. Đến cuối năm 2020, bà Th không chu cấp nữa.

Ngày 26-12-2022 chị Gi đã đến trụ sở Công an phường Tr, thành phố N trình báo toàn bộ sự việc.

Ngày 08-02-2023, Trần Văn T đã đến Công an thành phố N đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. T khai nhận biết rõ thời điểm T quan hệ tình dục với chị Gi thì chị Gi chưa đủ 16 tuổi và cả hai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã Trưng cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định Gen xác định mối quan hệ huyết thống giữa chị Lý Trà Gi, Trần Văn T với cháu Lý Trần Minh Ch.

Bản kết luận giám định số 119/KL-KTHS ngày 03-02-2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Lý Trà Gi và Lý Trần Minh Ch có quan hệ huyết thống mẹ đẻ - con đẻ.

Bản kết luận giám định số 831/KL-KTHS ngày 11-3-2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Trần Văn T và Lý Trần Minh Ch có quan hệ huyết thống cha đẻ - con đẻ với nhau.

Về vấn đề trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn T đã tác động gia đình bồi thường cho chị Lý Trà Gi số tiền 15.000.000 đồng, chị Gi đã nhận tiền bồi thường và không có ý kiến đề nghị gì khác.

Bản Cáo trạng số 119/CT-VKSND-TPND ngày 18-4-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Văn T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T khai nhận đã có hành vi vi phạm pháp luật của mình, bị cáo xác định trong giai đoạn điều tra bị cáo không bị bức cung nhục hình. Bị cáo nhận thấy Viện kiểm sát truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội.

Chị Lý Trà Gi trình bày: Chị và bị cáo T có quan hệ tình cảm với nhau, chị có quan hệ tình dục với bị cáo Trần Văn T dẫn đến chị có thai, sau khi biết chị có thai thì T trốn tránh trách nhiệm. Đến ngày 17-5-2019 thì chị sinh con. Lời khai của T tại phiên tòa hôm nay là thành khẩn, đúng với nội dung sự việc. Trong giai đoạn truy tố T có quan điểm tác động với gia đình để bồi thường cho chị. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bố đẻ bị cáo T đã bồi thường cho chị số tiền 15.000.000 đồng. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề dân sự. Ngoài ra chị không có ý kiến đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; xử phạt bị cáo từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T phù hợp với lời khai của bị hại, Kết luận giám định số 119/KL-KTHS ngày 03-02-2023 và số 831/KL-KTHS ngày

11-3-2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018, tại địa bàn thành phố N, tỉnh Nam Định, Trần Văn T đã 08 lần quan hệ tình dục với chị Lý Trà Gi khi chị Gi mới được 15 tuổi 3 tháng đến 15 tuổi 5 tháng làm chị Gi có thai, sau đó sinh con ngày 17-5-2019. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi quan hệ tình dục với người dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Bị cáo có 08 lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị Gi và làm chị Gi có thai, Do đó, bị cáo đã phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, tội phạm và hình phạt quy định tại quy định điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với tình tiết định khung là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Làm nạn nhân có thai”.

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

3.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

3.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Gi, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4]. *Về hình phạt:*

4.1. *Về hình phạt chính:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội, bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 08-02-2023.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn T và người bị hại là chị Lý Trà Gi được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Dũng

